

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-PT

Ngày 29-01-2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Trâm Anh

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn

Ông Phạm Sanh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Ngọc Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 và bà Dương Thị H, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Bùi Hữu L, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1979

Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: bị đơn ông Bùi Hữu L và bà Nguyễn Thị Ngọc Y
(ông T, bà H, ông L, bà Y có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị H trình bày: Trước đây, ông T, bà H có bán thiếu phân bón, thuốc trừ sâu cho vợ chồng ông Bùi Hữu L và bà Nguyễn Thị Ngọc Y. Sau đó đến ngày 15/6/2016 hai bên đã ngồi

tính toán công nợ, bà Y, ông L nợ tiền gốc phân bón, thuốc trừ sâu là 1.300.000.000 đồng. Ông L, bà Y có làm biên nhận nợ ngày 15/6/2016 với ông Nguyễn Văn T, thỏa thuận lãi suất chậm trả là 2%/tháng và cam kết đến ngày 15/10/2016 sẽ trả trước cho ông 400.000.000 đồng, tuy nhiên đến hạn ông L, bà Y không trả nợ. Ngày 09/5/2018 ông L, bà Y làm thêm biên nhận nợ gốc và lãi với bà Dương Thị H số tiền 1.313.831.000 đồng và hứa đến ngày 13/5/2018 sẽ trả trước cho vợ chồng ông bà số tiền 200.000.000 đồng nhưng đến nay vẫn không trả.

Nay ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L, bà Y trả cho ông bà số tiền gốc 1.300.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Bùi Hữu L, bà Nguyễn Thị Ngọc Y theo quy định pháp luật nhưng vợ chồng ông L, bà Y vắng mặt và không trình bày ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H. Buộc ông L, bà Y trả cho ông T, bà H số tiền gốc và lãi là 1.705.275.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020, ông L, bà Y kháng cáo quá hạn với nội dung: yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, ông L bà Y không nhận được các thủ tục tố tụng trong quá trình Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ kiện, ông bà không đồng ý kết quả xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 03/2020/QĐ-PT chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của ông L, bà Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị H sau khi đối chiếu công nợ với ông Bùi Hữu L và bà Nguyễn Thị Ngọc Y, ông bà thống nhất giảm tiền lãi và căn trừ số tiền bị đơn đã thanh toán, nay chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.050.000.000 đồng (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

Bị đơn ông Bùi Hữu L và bà Nguyễn Thị Ngọc Y xác nhận trước đây ông bà có mua phân bón, thuốc trừ sâu của ông T, bà H, hai bên có thỏa thuận sau 04 tháng kể từ ngày mua phân bón, thuốc trừ sâu, nếu chưa thanh toán nợ phải chịu tiền lãi, mức lãi suất ông bà không nhớ, ông bà xác nhận từ cam kết về việc trả tiền mua phân bón ngày 15/6/2016 có nội dung ông bà còn nợ ông T số tiền 1.300.000.000 đồng là do ông bà ký tên, tuy nhiên số nợ này bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi. Tại phiên tòa hôm nay, sau khi trao đổi, thỏa thuận với ông T, bà H về số tiền lãi và số tiền đã thanh toán trong việc mua bán, nay ông bà thống nhất số nợ với ông T, bà H là 1.050.000.000 đồng.

Ông bà đề nghị ông T, bà H cho trả chậm mỗi năm trả 200.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Trường hợp ông T, bà H không đồng ý, ông bà đề nghị hủy án để yêu cầu cấp sơ thẩm xét xử lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến trước khi tuyên án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thống nhất được số nợ mua bán phân bón, thuốc trừ sâu. Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ sau khi hai bên đã thống nhất là 1.050.000.000 đồng, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn và yêu cầu thanh toán số nợ trên là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn xin trả chậm mỗi năm trả 200.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý nên không thể ghi nhận, yêu cầu xin trả chậm của bị đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng đạt trong quá trình giải quyết án, tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thống nhất được số nợ nên không cần thiết phải hủy án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông L, bà Y sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp buộc ông L, bà Y trả số nợ mua bán phân bón cho ông T, bà H còn thiếu là 1.050.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về số nợ mua bán phân bón: Tại phiên tòa phúc thẩm ông T, bà H, ông L, bà Y xác nhận các bên có mua bán phân bón và thuốc trừ sâu, hai bên có thỏa thuận sau 04 tháng kể từ ngày mua phân bón, thuốc trừ sâu nếu bên mua không thanh toán thì sẽ phải thanh toán tiền lãi trên số nợ chậm trả. Các đương sự cũng xác nhận tờ cam kết đề ngày 15/6/2016 thể hiện ông L còn nợ ông T, bà H số tiền 1.300.000.000 đồng là do ông L, bà Y ký tên. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông L, bà Y cho rằng số tiền trên bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi.

Sau khi hai bên trao đổi, cân trừ số tiền đã thanh toán, ông T, bà H giảm tiền lãi và đi đến thống nhất ông T, bà H chỉ yêu cầu ông L, bà Y thanh toán số tiền 1.050.000.000 đồng. Ông L, bà Y thống nhất với ông T, bà H về số nợ trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc ông L, bà Y trả cho ông T, bà H số tiền 1.050.000.000 đồng.

[2] Về yêu cầu xin trả chậm: Ông L, bà Y xin trả chậm mỗi năm trả 200.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, xét thấy ông T, bà H không đồng ý việc

trả chậm nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Phương thức thanh toán nợ thuộc thẩm quyền xem xét của Cơ quan Thi hành án dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tổng đạt cho bị đơn, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn đã xuất trình toàn bộ chứng cứ để đối chiếu số nợ với nguyên đơn, các đương sự đã thỏa thuận và thống nhất được với nhau về số nợ, do đó không cần thiết phải hủy án sơ thẩm để giải quyết lại.

[4] Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông L, bà Y, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

[5] Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông L, bà Y bị buộc trả số tiền 1.050.000.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 43.500.000 đồng. Ông T, bà H được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: ông L, bà Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 305, Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Bùi Hữu L, bà Nguyễn Thị Ngọc Y. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị H.

Buộc ông Bùi Hữu L, bà Nguyễn Thị Ngọc Y phải có nghĩa vụ trả cho ông T, bà H số tiền nợ phân bốn, trừ sâu còn thiếu là 1.050.000.000 đồng (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

+ Buộc ông Bùi Hữu L, bà Nguyễn Thị Ngọc Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 43.500.000 đồng .

+ Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 25.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003571 ngày 10/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

+ Hoàn trả cho ông Bùi Hữu L tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0007994 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

+ Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0007996 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Trâm Anh